

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 08/04/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CTK3+BK9	7:25	15+7	0+0		15+7	0+0	
2		PPD+P4+P5	7:25	5+16+1	0+0+0		0+17+5	0+0+0	
3		CNV+PPD	7:25	10+12	0+0		7+15	0+0	
4		RP3+SAVR+VSP02	9:25	22+0+0	0+0+0		15+3+4	0+0+0	
5		CTK3+PPD	9:25	16+6	0+0		13+9	0+0	
6		RC5+RC3+TD2	11:25	1+1+19	0+0+0		0+0+20	0+0+0	
7		TD5+P4	11:25	19+2	0+0		2+20	0+0	
8		RP3+CTK3	13:25	8+13	0+0		0+18	0+0	

TTĐĐSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/04/2025	TO: CTK3 - BK9	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: PHÚ - LÃI - DŨNG	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐOÀN QUANG CHUNG	CTK3	47	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI KHAC PHONG	CTK3	49	1	5			78	KH-THAC	Vietnamese
3	HA MINH GIANG	CTK3	44	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TRỌNG HAI	CTK3	39	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN ĐÌNH QUYẾT	CTK3	50	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN TIEN ĐẠT	CTK3	35-36	2	17			88	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TIEN HUNG	CTK3	48	1	11			70	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM XUÂN HÒA	CTK3	38	1	9			78	YTE	Vietnamese
9	PHẠM QUANG TUẤN	CTK3	51	1	12			85	DICHVU	Vietnamese
10	LE TUAN VU	CTK3	43	1	6			100	PSV	Vietnamese
11	NGUYEN HUU LUU	CTK3	37	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TRỌNG KIM	CTK3	46	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM CÔNG DUY	CTK3	41-42	2	11			67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN DANH TUẤN	CTK3	40	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM ĐỨC KIỂM	CTK3	45	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
16	CAO VĂN KHA KHA	BK9	18	1	5			84	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN NGỌC HIỆP	BK9	19	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN NGHIA TIN	BK9	22	1	9			78	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN TUẤN	BK9	21	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN HUY HOANG (21488)	BK9	16-17	2	13			93	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ ĐỨC HUY	BK9	23	1	19	3	23	65	T-TIN	Vietnamese
22	PHAN TIEN CUONG	BK9	20	1	5	1	20	59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CTK3	15	1.142	17	112	0	0	15		
2	BK9	7	519	8	61	4	43	7		
TOTAL		22	1.661	25	173	4	43	22		
WEIGHT KG			1.661		173		43			

GRAND TOAL: 1.877 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/04/2025	TO: PPD - P4 - P5	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: HUNG - HTRUNG - HUY	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN NGUYỄN TÂN TÀI	PPD	06	1	7			88	KHI	Vietnamese
2	VŨ THANH BÌNH	PPD	04	1	4			84	KHI	Vietnamese
3	HUYNH TÂN THANH	PPD	01-02	2	9			75	KHI	Vietnamese
4	BUI THANH HAI	PPD	03	1	5			63	KHI	Vietnamese
5	ĐẶNG HỒNG QUÂN	PPD	05	1	5			74	KHI	Vietnamese
6	TRƯƠNG THANH GIÁP	P4	72	1	5			72	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN QUANG HÀ	P4	71	1	3			67	KHI	Vietnamese
8	ĐỖ ĐỨC LONG	P4	76	1	6			58	KHI	Vietnamese
9	HOÀNG TRỌNG TÂN	P4	65	1	9			73	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN MINH ĐỨC	P4	68	1	6			99	KHI	Vietnamese
11	TRỊNH XUÂN HUYỀN	P4	74	1	4			79	KHI	Vietnamese
12	LÊ HUY CHUÔNG	P4	63	1	8			55	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN ANH	P4	75	1	3			66	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH GIÁP	P4	81	1	3			69	KHI	Vietnamese
15	LƯƠNG THANH VŨ	P4	67	1	6			78	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT THẮNG	P4	66	1	5			77	KHI	Vietnamese
17	PHẠM HỮU THỌ	P4	64	1	8			66	KHI	Vietnamese
18	HOÀNG THAI DƯƠNG	P4	69	1	4			73	KHI	Vietnamese
19	TRẦN VĂN PHÚC	P4	70	1	5			69	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN THỊNH	P4	73	1	4	1	20	75	KHI	Vietnamese
21	TRẦN VĂN ĐẠT	P4	62	1	6	5	50	67	XAYLAP	Vietnamese
22	TRẦN ĐÌNH TỬ	P5	12	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	PPD	5	384	6	30	0	0	0		
2	P4	16	1.143	16	85	6	70	17		
3	P5	1	80	1	5	0	0	5		
TOTAL		22	1.607	23	120	6	70	22		
WEIGHT KG			1.607		120		70			

GRAND TOTAL: 1.797 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/04/2025	TO: CNV - PPD	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: VIỆT - N.CƯỜNG - THỤ	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐỖ QUỐC TÙNG	CNV	900	1	8	4	60	81	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI VĂN THAI	CNV	80-81	2	12			68	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG TRỌNG VỌ	CNV	79	1	11			73	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN ĐOAN	CNV	97	1	4			50	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN HAO	CNV	93	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC THANH	CNV	94-95	2	5			70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN MINH	CNV	98-99	2	16			84	T-TIN	Vietnamese
8	NGUYỄN THẾ HOANG	CNV	86-87	2	20			90	T-TIN	Vietnamese
9	PHẠM VĂN ĐỨC	CNV	91-92	2	15			77	T-TIN	Vietnamese
10	ĐỖ LY KHANH	CNV	96	1	14			86	PSV	Vietnamese
11	PHẠM ĐỨC TOÀN LỘC	PPD	08	1	4			83	KHI	Vietnamese
12	VÕ QUANG ĐẠT	PPD	01	1	5			58	KHI	Vietnamese
13	LÊ HỒNG PHONG	PPD	07	1	6			83	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	PPD	06	1	7			62	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT ĐÀI	PPD	09	1	7			70	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN TIẾN QUANG	PPD	12	1	4			69	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN MINH KHOAN	PPD	05	1	7	1	18	86	KHI	Vietnamese
18	CAO NAM QUY	PPD	13	1	4			72	KHI	Vietnamese
19	ĐẠO VIỆT HÙNG	PPD	14-15	2	15			65	KHI	Vietnamese
20	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG	PPD	11	1	4			68	KHI	Vietnamese
21	TRẦN NGỌC LINH	PPD	10	1	3			65	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN CHIÊN	PPD	02-03	2	8			55	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CNV	10	745	15	109	4	60	7		
2	PPD	12	836	14	74	1	18	15		
TOTAL		22	1.581	29	183	5	78	22		
WEIGHT KG			1.581		183		78			

GRAND TOAL: 1.842 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/04/2025	TO: RP3 - SAVR - VSP02	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: HUNG - HTRUNG - HUY	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN TRỌNG TUÂN	RP3						85	NIPI	Vietnamese
2	LÊ ĐỨC VIỆT	RP3	76	1	3			72	KHI	Vietnamese
3	HA VAN THUY	RP3	78-79	2	7			70	KHI	Vietnamese
4	BUI VAN PHU	RP3	68	1	3			71	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN CHINH THI	RP3	77	1	7			75	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN HOANG NAM	RP3						91	KHI	Vietnamese
7	LÊ HOANG ANH	RP3	600	1	6			70	KHI	Vietnamese
8	ĐƯƠNG HỒNG QUẬN	RP3	97-98	2	13			73	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN QUOC CUONG	RP3	90	1	10			80	KHI	Vietnamese
10	PHAM VAN THIET	RP3	99	1	3			64	KHI	Vietnamese
11	KUSCHENKO R.M	RP3	92	1	5			125	KHI	Russian
12	SHEREMETIEV A. V	RP3	93	1	9			80	KHI	Russian
13	PHẠM TAI	RP3	94-95	2	11			70	KHI	Vietnamese
14	HỒ NGỌC HUNG	RP3	89	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN Q. BAO BINH	RP3	88	1	3			60	KHI	Vietnamese
16	TRINH QUANG HUY	RP3						69	KHI	Vietnamese
17	LÊ XUÂN HIEN	RP3	96	1	6			77	KHI	Vietnamese
18	LÊ HỮU ĐẠT	RP3	91	1	5			76	KHI	Vietnamese
19	LUU HOANG MINH	RP3	80	1	3			78	DIEU HANE	Vietnamese
20	LÊ THỊ HỒNG GIANG	RP3	86	1	9			51	NIPI	Vietnamese
21	NGUYEN THỊ HOA	RP3	84-85	2	16	3	56	53	NIPI	Vietnamese
22	RIABYSHENKOV D.	SAVR	99,600	2	23			81	AMNGR	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	21	1.564	22	123	3	56	15		
2	SAVR	1	81	2	23	0	0	3		
3	VSP02	0	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	1.645	24	146	3	56	22		
WEIGHT KG.			1.645		146		56			

GRAND TOAL: 1.847 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/04/2025	TO: CTK3 - PPD	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:55
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: PHÚ - LHÀI - DŨNG	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN CÔNG CÔNG	CTK3	33	1	10			70	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN DÀN	CTK3	18	1	8			76	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TRẦN ĐỨC MINH	CTK3	28-30	3	20			80	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN ĐỨC HANH	CTK3	32	1	2			81	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HOANG LAM	CTK3	15-16	2	10	1	5	68	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM THANH QUANG	CTK3	21	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI SY LONG	CTK3	22	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN QUYẾT THĂNG	CTK3	25-26	2	16			70	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG THIỆU THÀNH	CTK3	19	1	10	2	21	81	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ TRUNG KIẾN	CTK3	17	1	6			80	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ NGUYỄN NHẬT LINH	CTK3						84	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM QUANG THAI	CTK3	27	1	5			88	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM BA HOANG	CTK3	20	1	11			73	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN QUỐC KHIÊM	CTK3	31	1	5			91	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN ĐẠN QUÊ	CTK3	34	1	10			75	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN NGUYỄN MẠNH TƯỜNG	CTK3	23	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN HUU HOANG ANH	CTK3	24	1	6			113	KH-THAC	Vietnamese
18	DANG PHUC THANG	PPD	18	1	8			88	KHI	Vietnamese
19	VŨ VĂN CHIÊN	PPD	17	1	5			73	KHI	Vietnamese
20	ĐẠO ANH TUẤN	PPD	19	1	4			65	KHI	Vietnamese
21	LÊ HUY VINH	PPD	16	1	6			65	KHI	Vietnamese
22	VUÔNG QUỐC VŨNG	PPD	20	1	10			49	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CTK3	17	1.347	20	135	3	26	13		
2	PPD	5	340	5	33	0	0	9		
TOTAL		22	1.687	25	168	3	26	22		
WEIGHT KG			1.687		168		26			

GRAND TOAL: 1.881 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/04/2025	TO: RC5 - RC3 - TD2	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:10
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: LINH - MTHAO - TOAN	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VŨ TIÊN NGỌC	RC5	12	1	6			81	DK9	Vietnamese
2	PHẠM DUY CHUNG	RC3	62	1	13			66	DK9	Vietnamese
3	NGUYỄN MINH TIẾN	TD2	51-52	2	12			97	KHOAN	Vietnamese
4	AKOPOV D.A.	TD2	77	1	6			87	KH-THAC	Russian
5	NGUYỄN TRI CHUNG	TD2	75	1	5			55	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN ĐỨC CƯỜNG	TD2						87	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN ANH ĐỨC	TD2	56	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN NGUYỄN GIA KINH	TD2	49	1	6			78	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC TUƠNG	TD2	76	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ ĐÌNH HUY	TD2	78	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ VĂN BÌNH	TD2	80-81	2	10			77	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG ĐÌNH SÂM	TD2	47	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese
13	CHÂU HÙNG HUY	TD2	53-54	2	13			76	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ TRỌNG NGHĨA	TD2	46	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ VĂN CƯỜNG	TD2	50	1	19	1	8	64	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ ANH TUẤN (21426)	TD2	48	1	16	3	50	79	KH-THAC	Vietnamese
17	LÀ QUY DANH	TD2	79	1	9			63	DVL	Vietnamese
18	HOANG VAN BAC	TD2						76	KHOAN	Vietnamese
19	PHẠM NGỌC NINH	TD2	57	1	5			79	PSV	Vietnamese
20	TRẦN VĂN HỮU	TD2	55	1	6			60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RC5	1	81	1	6	0	0	0		
2	RC3	1	66	1	13	0	0	0		
3	TD2	18	1.318	19	132	4	58	22		
TOTAL		20	1.465	21	151	4	58	22		
WEIGHT KG			1.465		151		58			

GRAND TOAL: 1.674 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/04/2025	TO: TD5 - P4	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:15
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: VTHU - ĐỨC - DŨNG	ETA: 14:05
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN TIEN DUNG	TD5	81-82	2	17			91	PVDWS	Vietnamese
2	CAO XUAN VINH	TD5	80	1	12			84	PVDWS	Vietnamese
3	DUONG MANH QUYET	TD5	79	1	16			86	PVDWS	Vietnamese
4	LE TRONG NGHIA	TD5	83-84	2	15			84	PVDWS	Vietnamese
5	DO VAN TUONG	TD5	88	1	15			67	PVDWS	Vietnamese
6	DAO VAN TAM	TD5	89	1	11			69	PVDWS	Vietnamese
7	TRAN XUAN HUNG	TD5	95	1	13			74	DATA CAN	Vietnamese
8	TRAN VAN DIEP	TD5	85	1	6			66	DATA CAN	Vietnamese
9	RICKI SYAFRAN	TD5	89-90	2	18			75	DATA CAN	Indonesian
10	DODY JUNIZED BIN EDWARD	TD5	86-87	2	23			67	DATA CAN	Indonesian
11	PHAM THE QUANG	TD5	92	1	15			74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TIEN QUY	TD5	93	1	10			78	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN THANH LUAN	TD5	97	1	12			58	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN NHAT KIM LONG	TD5	92	1	17			57	KH-THAC	Vietnamese
15	DO VAN HIEU	TD5	96	1	13			75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN DAI KHOA	TD5	94	1	16			69	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN NGOC DAO	TD5	700,91	2	18			65	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐINH VĂN THẮNG	TD5	91	1	4			75	PSV	Vietnamese
19	TRẦN VĂN NGHĨA	TD5	90	1	5			63	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN THE ANH	P4						82	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN MANH DUNG	P4						78	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD5	19	1.377	24	256	0	0	3		
2	P4	2	160	0	0	0	0	19		
TOTAL		21	1.537	24	256	0	0	22		
WEIGHT KG			1.537		256		0			

GRAND TOAL: 1.793 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/04/2025	TO: RP3 - CTK3	AIRCRAFT: 416	ETD: 14:35
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: VTHU - ĐỨC - DŨNG	ETA: 16:25
TRANG-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN ĐỨC HẠNH	RP3	87	1	5			109	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THÈ HUY	RP3	91	1	9			81	CODIEN	Vietnamese
3	LÊ VIỆT TUÂN	RP3	85-86	2	16			83	CODIEN	Vietnamese
4	TRẦN ĐẠI THIỆU	RP3	92	1	4			88	NIPI	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH HOA	RP3	88	1	4			93	NIPI	Vietnamese
6	ĐẶNG NGUYỄN PHƯƠNG VŨ	RP3	41	1	4			86	DSNO	Vietnamese
7	NGUYỄN THỊ HUƠNG	RP3	30	1	5	9	160	56	DSNO	Vietnamese
8	LÊ THỊ CẨM THU	RP3	40	1	7			62	YTE	Vietnamese
9	LÊ THAI SƠN	RP3	84	1	8	2	23	81	NIPI	Vietnamese
10	BUI NGOC NAM	CTK3	38	1	13			68	KH-THAC	Vietnamese
11	CÙ XUÂN HUY	CTK3	05	1	10			62	HVJOC	Vietnamese
12	ĐÀO THANH MAI	CTK3	40	1	12			53	HVJOC	Vietnamese
13	TRẦN THANH QUANG	CTK3	04	1	8			69	HVJOC	Vietnamese
14	BUI VĂN HUY	CTK3	03	1	10			68	ANTOAN	Vietnamese
15	LƯƠNG THÈ HIÊN	CTK3	39	1	7			67	NIPI	Vietnamese
16	ĐẶNG VĂN CHUÂN	CTK3	41	1	10			71	NIPI	Vietnamese
17	TRỊNH QUANG HUY	CTK3	37-38	2	12			72	NIPI	Vietnamese
18	LƯƠNG MINH KHUÊ	CTK3	10-11	2	12			59	NIPI	Vietnamese
19	TRẦN VĂN NGUYỄN	CTK3	06	1	7			73	PSV	Vietnamese
20	VÕ QUỐC THỊNH	CTK3	07-08	2	9			76	PSV	Vietnamese
21	TRƯƠNG MAI QUỐC HUY	CTK3	09	1	5			63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	9	739	10	62	11	183	0		
2	CTK3	12	801	15	115	0	0	19		
TOTAL		21	1.540	25	177	11	183	19		
WEIGHT KG			1.540		177		183			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN